

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Đắk Mil, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

**Thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
năm 2023 đối với xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông**

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 16/12/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND, ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 207/KH-BCĐ, ngày 06/4/2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Đắk Nông về triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/HU, ngày 19/12/2022 của Huyện ủy Đắk Mil về nhiệm vụ năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 17-KH/HU, ngày 04/6/2021 của Huyện ủy Đắk Mil về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành các tiêu chí xây dựng huyện Đắk Mil đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 185/KH-UBND, ngày 15/8/2022 của UBND huyện Đắk Mil triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Đắk Mil;

Căn cứ Kế hoạch số 11/KH-UBND, ngày 09/01/2023 của UBND huyện Đắk Mil triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023 trên địa bàn huyện Đắk Mil.

Xét đề nghị của UBND xã Đức Minh tại Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 30/11/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đức Minh; UBND huyện Đắk Mil báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Đức Minh, cụ thể như sau:

Thời gian thẩm tra: Đoàn thẩm tra huyện Đắk Mil (theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 28/04/2023 của UBND huyện) tiến hành thẩm tra tại xã Đức Minh, ngày 10/01/2024.

1. Về hồ sơ đề nghị

*** Hồ sơ của xã Đức Minh bao gồm:**

Việc đánh giá mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao của xã Đức Minh đã đảm bảo công khai, dân chủ, đúng trình tự, đủ thủ tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức và nhân dân.

Các tài liệu minh chứng, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí và lấy ý kiến của các tổ chức và nhân dân được tập hợp, phân loại, lưu trữ đầy đủ tại tủ tài liệu nông thôn mới nâng cao của xã, các tiêu chí đã được xã tự đánh giá và trình các phòng chuyên môn của huyện thẩm tra, xác nhận đạt chuẩn theo đúng quy định của Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao.

Hồ sơ đề nghị thẩm tra, thẩm định, xét công nhận xã Đức Minh đạt chuẩn NTM nâng cao đã được UBND xã Đức Minh hoàn thành đầy đủ, đúng trình tự, đủ thủ tục, gửi về VPĐP xây dựng NTM huyện đúng thời gian quy định. Hồ sơ đã được VPĐP xây dựng NTM huyện tiếp nhận, thẩm tra theo đúng quy định tại Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

(1) Tờ trình số 163/TTr-UBND, ngày 30/11/2023 của UBND xã Đức Minh về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã Đức Minh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 bao gồm:

(2) Biên bản họp ngày 30/11/2023 của UBND xã Đức Minh đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

(3) Báo cáo số 367/BC-UBND ngày 28/11/2023 của UBND xã về kết quả thực hiện chương trình xây dựng NTM nâng cao trên địa bàn xã năm 2023;

(4) Báo cáo số: 366/BC-UBND ngày 24/11/2023 của UBND xã Đức Minh về tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã năm 2023.

(5) Báo cáo số 358/BC-UBND ngày 25/11/2023 của UBND xã Đức Minh về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

(6) Một số hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao kèm trong Báo cáo số 367/BC-UBND ngày 30/11/2023 của UBND xã Đức Minh về kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn nâng cao trên địa bàn xã năm 2023.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

- Căn cứ Nghị quyết Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện giao chỉ tiêu xã Thuận An đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các ngành chức năng của huyện, xã Đức Minh đã xây dựng kế hoạch, lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện đạt các mục tiêu, tiêu chí nông thôn mới, qua đó cuối năm 2023 phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, tỉnh, các ngành chức năng của huyện đã kịp thời hướng dẫn, đôn đốc, hỗ trợ xã Đức Minh tổ chức thực hiện các tiêu chí, tiêu chí theo phân công của UBND huyện.

- Lãnh đạo UBND huyện, các ban, ngành đoàn thể huyện đã trực tiếp làm việc với xã Đức Minh về triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2023; ngoài ra Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các Sở, ban, ngành có liên quan và Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện và các phòng, ban, ngành có liên quan đã trực tiếp làm việc với xã Đức Minh về kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2023.

- Xã Đức Minh đã ban hành Nghị quyết, Kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; kịp thời kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển thôn, bản; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, các tổ chức đoàn thể và cá nhân; duy trì chế độ giao ban, kiểm tra định kỳ về kết quả triển khai thực hiện.

Xã đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, tập trung khắc phục những khó khăn, tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế cao, tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất...

4. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND, ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông

Xác định xây dựng nông thôn mới là không có điểm kết thúc, từ năm 2015 đến nay, Đảng ủy, HĐND, UBND xã luôn xác định xây dựng xã Đức Minh đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Do vậy, xã đã tiếp tục ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, các ngành và cả hệ thống chính trị huy động mọi nguồn lực tổ chức triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn

nông nghiệp sản xuất hàng hoá với phát triển dịch vụ, du lịch; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch.

Xã Đức Minh đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 vào năm 2016 tại quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 và được công nhận lại xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 654/QĐ-UBND, ngày 31/3/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông theo Bộ tiêu chí nông thôn mới được ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ kết quả rà soát trong năm 2023, xã Đức Minh đã đạt 19/19 tiêu chí, 57/57 chỉ tiêu về xã nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 22/6/2022.

5. Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông

Đánh giá về mức độ đạt theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025.

Tính đến tháng 12/2023 xã Đức Minh đã đạt 19/19 tiêu chí đầy đủ, Số chỉ tiêu thành phần đã đạt 75/75.

*** Các tiêu chí đã đạt gồm:**

01. Tiêu chí 1: Quy hoạch
02. Tiêu chí 2: Giao thông.
03. Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.
04. Tiêu chí 4: Điện.
05. Tiêu chí 5: Giáo dục
06. Tiêu chí 6: Văn hóa.
07. Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.
08. Tiêu chí 8: Thông tin truyền thông
09. Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư.
10. Tiêu chí 10: Thu nhập.
11. Tiêu chí 11: Nghèo đa chiều.
12. Tiêu chí 12: Lao động.
13. Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất và kinh tế nông thôn.
14. Tiêu chí 14: Y tế
15. Tiêu chí 15: Hành chính công
16. Tiêu chí 16: Tiếp cận pháp luật.
17. Tiêu chí 17: Môi trường.
18. Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống
19. Tiêu chí 19: Quốc phòng và An ninh.

Cụ thể:

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình KTXH của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị Đắk Mil đến năm 2030 thì địa phương thuộc quy hoạch đô thị của huyện Đắk Mil. Hiện địa phương đang triển khai rà soát điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Đức Minh giai đoạn 2021-2035. Việc thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới đang triển khai theo Quyết định 1289/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 của UBND huyện Đắk Mil về việc phê duyệt dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Hiện nay, UBND huyện đang triển khai lập quy hoạch chung đô thị Đắk Mil (mở rộng) đến năm 2023 và đã gửi hồ sơ về Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt trong năm 2024. Khi đồ án quy hoạch chung được phê duyệt, UBND huyện sẽ ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch (Nội dung theo điều 34, 35 Luật Quy hoạch đô thị 2009). Trên cơ sở đó, UBND xã sẽ căn cứ để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch. Trong định hướng quy hoạch xã Đức Minh sẽ được quy hoạch thành phường Đức Minh.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch: Địa phương đã thành lập quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. Thực hiện quản lý theo quy định theo các Quyết định 445/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của UBND huyện Đắk Mil về việc ban hành quản chế quản lý quy hoạch đô thị Đắk Mil và Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND huyện Đắk Mil về Ban hành Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đức Minh, huyện Đắk Mil đến năm 2020.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên: Trên địa bàn xã đã có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Thương mại - Dịch vụ và dân cư xã Đức Minh, với diện tích 17,53ha tại Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND huyện Đắk Mil.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. 100% đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm

tóc, cây xanh...) theo quy định.

2.2. 100% đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp (được cứng hóa và bảo trì hàng năm. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh... và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp).

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là $\geq 85\%$.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:**

Năm 2021-2022, tỉ lệ bê tông hóa nhựa hóa đường xã là 27,84/27,84 km, đạt 100%, đường thôn, bon là 16,36 km/17,81 km, đạt 91,8%, đường ngõ xóm 14,57/19,54 km đường bê tông đạt 74,56%; tỷ lệ cứng hóa đường nội đồng là 4,5/8,1km đạt 55,5%.

Năm 2023, từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Nhà nước, địa phương đã triển khai quyết liệt thực hiện tiêu chí số 2; tổ chức họp dân, Ban Phát triển thôn để thống nhất ý kiến, mức đóng góp xây dựng, bê tông hóa các đường giao thông còn lại trên địa bàn. Kết quả đến tháng 10 năm 2023, địa phương xây dựng thêm 25 tuyến đường thôn, bon và ngõ xóm với chiều dài 4,93 km trong đó đường thôn, bon 1.445km, nâng số đường bê tông thôn, bon lên 17,81/17,81km, đạt 100%; đường ngõ xóm 3,48 km, nâng số đường ngõ xóm bê tông hoá lên 18,12/19,54km, đạt 92,73%; đường nội đồng cứng hóa 6,6/8,1km, đạt 81,48%.

*** Các nội dung đã thực hiện:**

2.1. 100% đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: Với chiều dài tuyến đường được bê tông hóa, nhựa hóa 27,84/27,84 km, đạt 100%, đảm bảo giao thông thuận tiện trên địa bàn; các tuyến đường xã hàng năm được bảo trì đảm bảo đi lại và có các biển báo cần thiết.

2.2. 100% đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp (được cứng hóa và bảo trì hàng năm. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh... và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp): Đường trục thôn, bon và đường liên thôn, bon là 17,81km, trong đó xây dựng năm 2023 là 1,445km đường bê tông; qua đó nâng tổng số đường nội thôn là 17,81/17,81km đạt 100%; xã đã đầu tư các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, cây xanh...) để đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp là $\geq 85\%$: Đường ngõ, xóm 19,54km, trong đó xây dựng năm 2023 là 3,48km đường bê tông; qua đó nâng tổng số đường ngõ xóm là 18,12/19,54km, đạt 92,73%.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa $\geq 80\%$: Đường trục chính nội đồng trên địa bàn xã với chiều dài 8,1km, năm 2023 đã cứng hóa thêm 2,1km để đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm; qua đó nâng tổng số đường nội đồng được cứng

hóa là 6,6km (trong đó 5,2km đất cấp phối và 1,4km đường bê tông), đạt 81,48%.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt khá.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động từ các công trình thủy lợi đạt 92% (2.304,4ha/2.505ha), cụ thể:

- CTTL Đắc Săk: Dung tích hồ chứa 6,5 triệu m³ nước và phục vụ cho 1.255,51ha diện tích cây trồng.

- CTTL Jun Juh: Dung tích hồ chứa 619.000m³ nước và phục vụ cho 72,86ha diện tích cây trồng.

- CTTL Đập Ông Truyền: Dung tích hồ chứa 182.000m³ nước và phục vụ cho 34,89 diện tích cây trồng.

- CTTL Đập Ông Hiên: Dung tích hồ chứa 182.000m³ nước và phục vụ cho 65,62ha diện tích cây trồng.

Qua khảo sát năm 2023, hệ thống ao, hồ nhỏ, giếng khoan hiện nay đảm bảo nước tưới chủ động cho khoảng 870ha diện tích cây trồng; đồng thời UBND xã đang phối hợp với dự án SACCR về hỗ trợ người dân mức, nạo vét ao, hồ phục vụ công tác tưới tiêu cây trồng với 11 ao, hồ nâng cấp, xây mới phục vụ cho 5,5ha cây trồng.

3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

Địa phương đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả tại Quyết định 24/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã).

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 100% diện tích cây trồng chủ lực (2.290,1ha cà phê) được nhân dân đầu tư hệ thống tưới phun sương, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (trong đó một số hộ trên địa bàn đang áp dụng tưới tiêu theo công nghệ nhỏ giọt của Israel).

3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: Các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng (Công trình thủy lợi Đắc Săk, công trình thủy lợi Jun Juh, công trình thủy lợi đập Ông Truyền, công

trình thủy lợi đập Ông Hiền do Công ty TNHH MTV Khai thác CTTLĐất nông - Chi nhánh huyện Đắk Mil quản lý, duy tu và bảo trì hàng năm.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi: Các công trình thủy lợi trên địa bàn do Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đắk Nông quản lý, hàng năm đều có xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, bảo trì và nạo vét kênh mương đảm bảo công tác tưới tiêu trên địa bàn; UBND xã giao bộ phận địa chính - nông nghiệp - môi trường phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Mil thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Trên địa bàn xã, hàng năm không có nguồn nước thải xả vào các Hồ, Đập.

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ đạt khá: Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên; lập phương án và Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm. Nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm luôn sẵn sàng phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ. Cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai; hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ và 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

100% hộ đăng ký trực tiếp với Hợp tác xã điện Đức Minh được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Hiện nay HTX Kinh doanh Dịch vụ điện Đức Minh đã giải thể và bàn giao lưới điện cho điện lực huyện Đắk Mil quản lý. Do đó trong thời gian tới ngành điện lực tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống lưới điện và các hạng mục để đảm bảo tiêu chí.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 2.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

5.1. 100% trường học các cấp (mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

Có 4/4 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 trở lên, đạt 100% (trường tiểu học Lý Tự Trọng mức độ 2; trường mẫu giáo Mầm Non, trường tiểu học Bùi Thị Xuân, trường THCS Chu Văn An đạt cơ sở vật chất mức độ 1).

Hiện nay địa phương đã triển khai xây dựng nhà đa năng trường THCS Chu Văn An với kinh phí 1,832 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trong quý I/2024; bên cạnh đó, UBND huyện đã bố trí vốn đầu tư các hạng mục còn thiếu tại Quyết định số 3521/QĐ-UBND, ngày 21/12/2023 để triển khai đầu xây dựng năm 2024; hiện nay Ban Quản lý xã đang triển khai các bước lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật để đầu tư xây dựng, cụ thể Nhà đa năng trường tiểu học Lý Tự Trọng với nhằm đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; Trường mẫu giáo Mầm Non (06 phòng học, 2 tầng) và 01 nhà Hiệu bộ.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Kết quả năm học 2023, địa phương đã hoàn thành phổ cập mẫu giáo 5 tuổi; Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non của xã là 346/346 trẻ, đạt 100%.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS: Mức độ 2: Báo cáo kết quả Phổ cập giáo dục trên địa bàn năm 2023: phổ cập tiểu học ở mức độ 03, phổ cập THCS mức độ 02.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ: Mức độ 2: Tỷ lệ huy động số người trong độ tuổi từ 15-60 tuổi biết chữ hàng năm của xã đạt 95%. Đạt chuẩn mức độ 2.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

- Trung tâm học tập cộng đồng xã hàng năm được đánh giá, xếp loại: Tốt.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: Các trường học từ cấp mầm non đến THCS trên địa bàn đều có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới là 100%.

a) Kết quả thực hiện tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Đã triển khai lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời tại khu trụ sở cơ quan (có nhà văn hóa, có phòng thông tin tuyên truyền, Khu thể thao, có sân bóng đá mi ni, sân bóng chuyền, sân tennis,...); bên cạnh đó, năm

2023, địa phương đã triển khai lắp đặt 05 bộ dụng cụ tập thể dục ngoài trời tại Khu vực Đồi Thánh Tâm, Giáo xứ Xã Đoài và tại các trường học, các điểm công cộng.

6.2. *Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định:* Trên địa bàn không có di tích văn hóa.

6.3. *Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới là 100%.*

Tỷ lệ thôn, bản có nhà sinh hoạt văn hóa, thể thao là 06/16 thôn, bản, đạt 37,5% (*Nhà văn hóa bản Jun Juh, Nhà văn hóa liên thôn Xuân Trang - Xuân Sơn - Xuân Thành, Nhà văn hóa liên thôn Xuân Phong - Xuân Hòa*). Do đặc thù của địa phương là dân công giáo ($\geq 98\%$) nên một số thôn sử dụng hội trường của cơ sở tôn giáo để sinh hoạt, hội họp, phục vụ nhu cầu thể dục thể thao của Nhân dân. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tại các thôn bản, địa phương đã và đang rà soát bổ sung đưa vào quy hoạch Nhà văn hóa của các thôn còn lại để thực hiện trong giai đoạn tới.

Về khu dân cư văn hóa: Năm 2023, tỉ lệ thôn, bản đạt thôn, bản văn hóa là 16/16, đạt 100% theo Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Đắk Mil.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Kết quả thực hiện tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Chợ trung tâm xã Đức Minh, diện tích khoảng 3.900m², có khu trong nhà, khu bán ngoài trời. Có phân khu chức năng, có đầy đủ hệ thống phòng cháy, chữa cháy,... bảo đảm an toàn thực phẩm, yêu cầu chung theo tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, chợ sử dụng hệ thống nước bằng giếng khoan đảm bảo chất lượng để sinh hoạt, phục vụ cho nhu cầu của các tiểu thương trong chợ (*hệ thống giếng khoan nằm trong gói thầu thiết kế chợ*). Ngoài ra trên địa bàn xã còn có 02 Bách hóa xanh nằm ở 02 thôn Bình Thuận và Xuân Phong đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm đảm bảo an toàn cho người dân trên địa bàn xã.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. *Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.*

8.2. *Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.*

8.3. *Có dịch vụ báo chí truyền thông.*

8.4. *Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.*

8.5. *Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã,*

nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

8.1. *Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân:* Xã đã có 01 điểm phục vụ bưu chính tại thôn Minh Đoài phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. *Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh:* Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt $\geq 80\%$.

8.3. *Có dịch vụ báo chí truyền thông:* Xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa thông minh với 16 cụm 41 loa đến các thôn, bon trên địa bàn; có 02 màn hình Led phục vụ thông tin tuyên truyền.

8.4. *Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới:* Xã đã ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành nhà nước, phục vụ đời sống KTXH và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM như: phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý công dân, phần mềm hộ tịch, phần mềm kế toán, phần mềm BHXH, hệ thống đài truyền thanh xã, trang mạng xã hội, cổng thông tin điện tử của xã...

8.5. *Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...):* Đã lắp đặt wifi miễn phí tại các điểm công cộng (trụ sở UBND, chợ, bưu điện, các điểm sinh hoạt tôn giáo...).

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

9. Tiêu chí số về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Theo kết quả rà soát nhà ở dân cư trên địa bàn xã Đức Minh năm 2023, có 99,9% hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng (3.848 hộ/3.852 hộ.)

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

10. Tiêu chí số về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)

Năm 2021: 48 triệu đồng

Năm 2022: 52 triệu đồng

Năm 2023: 56 triệu đồng;

Năm 2024: 60 triệu đồng

Năm 2025: 64 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2023: UBND xã đã phối hợp với Chi cục thống kê khu vực Đắc Mil - Đắc Song triển khai cho lực lượng điều tra viên, giám sát viên để tổ chức điều tra, thu thập thông tin, tính toán các khoản thu nhập của hộ được chọn điều tra mẫu theo danh sách chọn hộ mẫu, qua kết quả điều tra mẫu, kết quả tổng hợp, suy rộng tổng thu nhập của nhân khẩu thường trú thực tế của xã năm 2023 đã

tổng hợp và đã được Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông công nhận tại Công văn số 515/CTK-TKXH ngày 15/12/2023 kết quả đạt **56,6** triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: Xã được công nhận đạt tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều khi đảm bảo yêu cầu “Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 là 5,0%”.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Địa phương đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành được tổ chức kịp thời ngay từ đầu năm, huy động từ nhiều nguồn lực cho công tác giảm nghèo như hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ về nhà ở, điện, nước sinh hoạt, hỗ trợ về giáo dục đào tạo và thông tin. Kết quả điều tra hộ nghèo, cận nghèo năm 2023: Toàn xã có 53 hộ nghèo với 228 khẩu, chiếm 1,28 % số hộ toàn xã (trong đó đồng bào DTTS 31 hộ, 148 khẩu), giảm 24 hộ so với năm 2022; Hộ cận nghèo 149 hộ với 662 khẩu, chiếm 3.59% số hộ toàn xã (trong đó đồng bào DTTS 93 hộ, 421 khẩu). Ngoài việc thực hiện các chính sách của Nhà nước về công tác xóa đói giảm nghèo, UBND xã còn thường xuyên khuyến khích người dân phát triển sản xuất gắn với các ngành nghề nhằm nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã.

Căn cứ theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 16/12/2023 của Chủ tịch UBND xã Đức Minh về việc công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo có mức sống trung bình theo kết quả rà soát năm 2023, thực hiện an sinh xã hội năm 2024. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo trừ đi hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động, xã đạt tỷ lệ nghèo đa chiều là 4,87% và đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 3454/QĐ-UBND, ngày 14/12/2023 về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện Đắk Mil.

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 75\%$.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 25\%$.

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 75\%$.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80,17% (8,086 người/10.086 người).

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 25\%$.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trở lên đạt 31% (3.126 người/10.086 người).

12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.

Tỉ lệ lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực cao, nông nghiệp chiếm 53% với 5.345/10.086 lao động; TMDV chiếm 39,3% với 3.963/10.086 lao động; TTCN chiếm 7,7% với 776/10.086 lao động).

c) Đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực mô hình HTX nông lâm nghiệp Đắk Mil, HTX Nguyễn Công ký kết hợp đồng từ khâu sản xuất, thu hoạch và thu mua sản phẩm cà phê của nông dân, liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn: Địa phương có 06 sản phẩm OCOP, trong đó 02 sản phẩm đạt 04 sao của công ty TNHH Hoàng Phát (cà phê bột và cà phê hạt rang), 04 sản phẩm đạt 03 sao: Sản phẩm mật ong của công ty TNHH Hoàng Gia, sản phẩm tiêu đỏ Kiên Kiên của HTX Nguyễn Công, sản phẩm cà phê bột và cà phê hạt của HTX Nông Lâm Nghiệp Đắk Mil.

13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: Trên địa bàn xã Đức Minh hiện tại đang triển khai xây dựng “Mô hình Phát triển sản phẩm OCOP cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sinh thái bền vững tại huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông” do Bộ nông nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (đợt 2).

Đối với Vùng sản xuất cà phê UDCNC xã Đức Minh tại khu vực Hồ Đắc SẮk, Bon Jun Juh, xã Đức Minh với diện tích: 300ha (Cà phê) đã được chứng nhận tiêu chuẩn cà phê 4C: 281,7ha; số thành viên tham gia nhóm sản xuất cà phê 4C: 181 thành viên và 02 HTX (HTX NLN Đắc Mil và HTX Nguyễn Công). Qua rà soát, đánh giá và đối chiếu theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg, ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; cơ bản đạt các tiêu chí theo quy định và hiện nay xã đang phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đánh giá, xây dựng hồ sơ gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định trình UBND tỉnh Đắk Nông công nhận trong năm 2024.

Trên địa bàn xã có nhiều vườn mẫu - rẫy mẫu áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến thành phẩm theo tiêu chuẩn VietGap, trong đó UBND huyện đã công nhận Vườn mẫu - Rẫy mẫu của hộ ông Nguyễn Tiến Hiệp có quy mô 04ha; Vườn mẫu - Rẫy mẫu của hộ ông Phạm Văn Hội với quy mô 2,5ha tại Quyết định số 1651/QĐ-UBND, ngày 31/12/2021.

13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Đã triển khai thực hiện chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực (cà phê, tiêu...) của xã qua các HTX, công ty (*HTX Nông Lâm Nghiệp Đắc Mil, HTX Nguyễn Công, Công ty TNHH Hoàng Phát...*).

Sản phẩm của HTX Nguyễn Công là Tiêu đỏ Kiên Kiên, địa chỉ sản xuất: Thôn Xuân Phong, xã Đức Minh, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông, đã thực hiện thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin về sản phẩm (*có tem truy xuất nguồn gốc*).

Sản phẩm của HTX Nông Lâm Nghiệp Đắc Mil là cà phê bột, cà phê hạt Đắc Mil, địa chỉ sản xuất: Thôn Đức Đoài, xã Đức Minh, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông, đã thực hiện thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin về sản phẩm (*có tem truy xuất nguồn gốc*).

Sản phẩm cà phê của Công ty TNHH Hoàng Phát, địa chỉ sản xuất: Thôn Xuân Phong, xã Đức Minh, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông, đã thực hiện thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin về sản phẩm (*có tem truy xuất nguồn gốc*).

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử ($\geq 10\%$)

Hiện trên địa bàn xã có các sản phẩm chủ lực như cà phê đặc sản, tiêu đỏ kiên kiên,... Các sản phẩm chủ lực được bán qua các kênh thương mại điện tử với tỷ lệ $\geq 10\%$, cụ thể:

- HTX Nguyễn Công triển khai bán hàng qua các kênh thương mại điện tử Shopee, Lazada, sendo,...(link truy cập: <http://vnptcheck.vn/21223789125621>); <https://shopee.vn/shop/1146051982>; <https://www.sendo.vn/shop/kien-kien-store>; <https://www.lazada.vn/shop/stbzb6cu>).

- HTX Nông Lâm Nghiệp Đắc Mil đã triển khai bán hàng qua các kênh thương mại điện tử (link truy cập: <http://vnptcheck.vn/28800353617870>).

- Sản phẩm cà phê của Công ty TNHH Hoàng Phát <https://vivina.net/ca-phe-dac-biet-hoang-phat-p16299.html>; <https://www.trangvang.biz/quan-ca>

<phe/cong-ty-tnhh-hoang-phat-thon-ke-dong-duc-minh-huyen-dak-mil.html>;
<https://vymaps.com/VN/Cong-Ty-Tnhh-Hoang-Phat...>

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng: Xã Đức Minh nằm trong Đề án: “Mô hình Phát triển sản phẩm OCOP cà phê chất lượng cao, cà phê đặc sản gắn với vùng nguyên liệu theo hướng sinh thái bền vững tại huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông” do Bộ Nông nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; có đăng ký mã vùng trồng cà phê tại vùng nguyên liệu tập trung tại vùng Thủy lợi (bon Jun Juh), xã Đức Minh. Hiện nay, diện tích cà phê đã được công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex - Chi nhánh Đắk Mil thông báo xác nhận 181 thành viên tham gia chương trình cà phê bền vững 4C với diện tích 281,7ha.

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Trên địa bàn xã có các điểm du lịch kết hợp như: Hồ câu cá giải trí, các hồ đập sinh thái Jun Juh, thôn Thanh Hà.... được quảng bá trên phương tiện truyền thông của xã, trang Zalo, trang mạng xã hội Internet và trang thông tin điện tử của xã: ducminh.dakmil.daknong.gov.vn.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường): Hiện trên địa bàn xã có các mô hình kinh tế theo hướng tích hợp đa giá trị vừa phát triển kinh tế, vừa bảo vệ, gìn giữ môi trường, vừa bảo tồn giá trị văn hoá, bản sắc của địa phương như Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm của HTX Nông Lâm Nghiệp Đắk Mil và HTX Nguyễn Công tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập và đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường.

c. Đánh giá Tiêu chí: Đạt.

14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 95\%$.

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 40\%$.

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Địa phương thường xuyên quán triệt với các thôn, bon, các trường học vận động các phụ huynh học sinh còn lại chưa tham gia bảo hiểm y tế vì quyền lợi của mình cho con em tham gia bảo hiểm y tế; phối hợp với Bảo hiểm xã hội huyện mở các đại lý liên kết bán bảo hiểm y tế tại các thôn, bon.

Cơ sở y tế tiếp tục được củng cố, đổi mới đóng vai trò quan trọng trong hoạt động y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Triển khai tốt công tác khám chữa bệnh tại trạm y tế nhằm thu hút bệnh nhân tới khám và điều trị, góp phần giảm tải cho tuyến trên.

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và

nữ) $\geq 95\%$.

Việc tham gia bảo hiểm y tế đem lại quyền lợi cho từng người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong những năm gần đây, hệ thống chính trị, các trường học, các đơn vị đã không ngừng tuyên truyền về ý nghĩa và quyền lợi đối với việc tham gia bảo hiểm y tế. Kết quả tỷ lệ người tham gia BHYT trong toàn xã không ngừng tăng lên, hiện nay đã đạt **97,88%**.

14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

Trạm Y tế đã ban hành Kế hoạch số 320/KH-TYT và triển khai thực hiện quản lý sức khỏe trên phần mềm HSSK điện tử giai đoạn năm 2023-2025. Đến nay tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt 99,6% dân số toàn xã.

14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt $\geq 40\%$.

Trung tâm Y tế huyện đã ban hành Kế hoạch số 149/KH-TTYT về việc triển khai hoạt động khám chữa bệnh từ xa tại Trạm Y tế các xã, thị trấn. Trạm Y tế đã ban hành Kế hoạch số 309/KH-TYT tư vấn khám chữa bệnh từ xa năm 2023; Hiện nay, cơ sở hạ tầng phục vụ công tác ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đang được đầu tư, nâng cấp cho Trạm y tế xã. Trạm Y tế đang đẩy mạnh phổ biến và triển khai nhằm nâng cao tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa trên địa bàn xã.

14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt $\geq 70\%$.

Địa phương thường xuyên tuyên truyền tại thôn bon trong các buổi họp thôn; tổng kết cuối năm; các đoàn thể tại thôn do Y tế thôn; ban tự quản và tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn. Kết quả triển khai thực hiện, tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 96% (517/539).

c. Đánh giá Tiêu chí số 14 - Y tế: Đạt.

15. Tiêu chí số 15 về - Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên. Đạt.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

Trong cải cách hành chính nói chung và cải cách thủ tục hành chính nói riêng, CNTT góp phần tự động hóa, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục hành chính, tạo ra phong cách lãnh đạo, phong cách làm việc mới, cải tiến hình thức cung cấp dịch vụ công theo hướng trực tuyến. Thực tế cho thấy, việc ứng dụng công nghệ thông tin giúp việc giải quyết thủ tục hành chính thuận lợi, nhanh chóng, hồ sơ được kiểm soát chặt chẽ hơn. Các thủ tục hành chính khi được công bố sẽ kèm theo quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, từ đó thiết lập quy trình điện tử (các bước giải quyết thủ tục hành chính). Do đó, người dân có thể biết được hồ sơ mình đang ở giai đoạn nào; bộ phận kiểm soát, giám sát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị cũng có thể kiểm soát được hồ sơ đang ở giai

đoạn nào. Nếu hồ sơ trễ hẹn hoặc trễ hẹn do nguyên nhân nào thì cũng có thể giám sát được...

Ủy ban nhân dân xã đã triển khai niêm yết thủ tục hành chính bằng QR Code tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bảng niêm yết thủ tục hành chính bằng mã QR tích hợp đầy đủ tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc lĩnh vực: Công an; Bảo trợ xã hội; Người có công; đất đai; hộ tịch;... Từng mã QR gồm danh sách các thủ tục, đường link dẫn đến nội dung, hồ sơ, các loại giấy tờ, quy trình giải quyết mà người dân, doanh nghiệp cần chuẩn bị để giải quyết thủ tục hành chính ở lĩnh vực đó; Ban hành Thông báo số 31/TB-UBND ngày 31/5/2023 về công khai danh mục thủ tục hành chính áp dụng thí điểm sáng kiến cải cách hành chính “ngày không viết” và “ngày không hẹn”.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giải quyết thủ tục hành chính như phần mềm chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm dịch vụ công, phần mềm BHXH, phần mềm tư pháp, phần mềm kê khai thuế, hoá đơn điện tử đã giúp đơn giản hóa các khâu từ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, dễ dàng quản lý các hồ sơ và tiết kiệm thời gian, giấy tờ...

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

Xã đã áp dụng triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến được xem là khâu quan trọng trong chương trình cải cách hành chính của địa phương, UBND xã đã ban hành các văn bản: Công văn số 26/UBND-VP ngày 21/3/2023 về tăng cường triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 về thành lập Tổ hỗ trợ và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại xã.

Trong năm 2023, UBND xã đã tiếp nhận được 752/1.429 hồ sơ trực tuyến đạt 52,62%.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

Từ đầu năm 2023 đến nay việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định hiện hành, thành phần hồ sơ đầy đủ và được kiểm tra chặt chẽ; thái độ phục vụ của cán bộ, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã chu đáo, tận tình và chuyên nghiệp.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành thông báo và niêm yết công khai địa chỉ, số điện thoại chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận phản ánh, kiến nghị và lịch tiếp công dân hàng tháng của Lãnh đạo UBND xã theo quy định.

Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: Trong năm 2023 UBND xã không có công dân nào lên phản ánh, kiến nghị liên quan đến quy định thủ tục hành chính.

c. Đánh giá Tiêu chí số 15 về - Hành chính công: Đạt.

16. Tiêu chí số 16 về - Tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1 .

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được

hòa giải thành $\geq 90\%$.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$. **Đạt.**

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận ≥ 1 .

* Mô hình điển hình về Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã: Câu lạc bộ “Thanh niên với Luật nghĩa vụ quân sự”

Trong thời gian hoạt động Câu lạc bộ đã tích cực tham gia tuyên truyền, vận động thanh thiếu niên trong độ tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự, tuyên truyền đến cá nhân và gia đình hiểu và nắm rõ về quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Thúc đẩy mạnh ý chí yêu nước, mong được cống hiến sức trẻ cho đất nước trên con đường xây dựng và bảo vệ đất nước.

Mỗi thành viên trong Câu lạc bộ là những đồng chí đoàn viên, thanh niên ưu tú, luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có khả năng tuyên truyền lưu loát, khả năng thuyết phục, truyền đạt nội dung, quy định của pháp luật đến với người nghe tốt.

Câu lạc bộ cũng nhận được những đánh giá tích cực của UBNDTTQVN xã và các đoàn thể xã thông qua phiếu lấy ý kiến đánh giá.....

* Mô hình Tổ hòa giải kiểu mẫu tại thôn, bon

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$.

Các vụ việc ở địa phương đa số là tranh chấp đất đai, trong những năm qua, tổ hòa giải cơ sở ở các thôn, bon đã thực hiện tốt công tác hòa giải, tranh thủ uy tín của các chức sắc, chức việc, người có uy tín trong tôn giáo, cộng đồng, do đó nhiều vụ việc được hòa thành thành ở các thôn, bon, giảm thiểu đơn thư đến cơ quan, cụ thể: Năm 2023, UBND xã nhận được 11 đơn thư, trong đó: hoà giải thành: 10 đơn, không thành: 01 đơn, đạt tỉ lệ 90,9%.

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$.

Kết quả, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý/ Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý đạt tỷ lệ 100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý của cán bộ, công chức và người có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Năm 2023, xã Đức Minh được UBND huyện Đắk Mil công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 272/QĐ-UBND, ngày 01/02/2024.

c. Đánh giá: Tiêu chí số 16 về - Tiếp cận pháp luật Đạt theo yêu cầu

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên

địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 80\%$.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 30\%$.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường $\geq 100\%$.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 75\%$.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. Đạt.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$. Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: 100% cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đảm bảo (39/39 cơ sở).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%: 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (115/115) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường; trong đó: có 01 cơ sở nuôi trồng thủy sản tại bon Jun Juh và 114/114 cơ sở sản xuất, kinh doanh (39 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản phải lập hồ sơ bảo vệ môi trường và 76 cơ sở không phải lập hồ sơ bảo vệ môi trường). Các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đều ký cam kết bảo đảm vệ sinh môi trường tại cấp xã và các cơ quan chuyên môn cấp huyện. Có biện pháp thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; các cuộc kiểm tra hàng năm không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường hay bị xử lý vi phạm hành chính.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 80\%$.

UBND xã đã tuyên truyền, vận động các hộ dân thu gom, phân loại chất thải rắn, chất thải không nguy hại trên địa bàn. UBND xã đã phối hợp UBMTTQVN xã, các đoàn thể chính trị xã hội xã; các trường học các đơn vị đóng chân trên địa bàn vận động các hội viên, đoàn viên bảo vệ môi trường, thu gom rác thải đúng quy định. Hiện nay chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được phân loại trước khi được thu gom, vận chuyển và xử lý bằng phương pháp chôn lấp hoặc phân loại chất thải để xe vận chuyển thu gom.

UBND xã đã ký hợp đồng thu gom rác thải với Công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom rác thải trên địa bàn xã 15/16 thôn, bon gồm 3.549 hộ/3.852 hộ, đạt 92%; rác thải thu gom khoảng 5.334 tấn/năm (rác thải hàng

ngày trung bình 4,1kg/hộ gia đình); 303 hộ gia đình tự xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trong vườn nhà khoảng 1,25 tấn/ngày, trung bình 01 năm 455 tấn/năm. Bên cạnh đó, các tuyến xa trung tâm, UBND xã tiến hành vận động người dân tự xử lý bằng biện pháp phân loại chất thải rắn, như các chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được các điểm thu mua phế liệu thu gom, chất thải rắn thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác có thể phân hủy sẽ đào hố chôn lấp đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định. Đối với chất thải hữu cơ phát sinh, được người dân tái sử dụng tại nguồn làm nguyên liệu ủ phân bón, làm thức ăn chăn nuôi,...

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 30\%$.

Trên địa bàn xã không có công trình thu gom, xử lý thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung nào.

UBND xã vận động người dân xây dựng các công trình xử lý tại chỗ đúng theo quy định hiện hành như các công trình: bể tự hoại (3-4 ngăn), bể lọc kỵ khí có vách ngăn, đào hố thu gom,... trên địa bàn xã chủ yếu sử dụng hầm rút tự hoại. Theo báo cáo số 704/BC-KSBT ngày 19/12/2023 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông, kết quả đảm bảo 3 sạch đạt trung bình 91,5%.

Năm 2023, trên địa bàn xã chưa ghi nhận các vấn đề ô nhiễm môi trường nào liên quan đến hoạt động xả thải, xử lý nước thải sinh hoạt của người dân.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

Hiện nay, có 60% hộ gia đình (2.311/3.852 hộ) thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, trung bình đạt 109 tấn/năm và được công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom, vận chuyển đến bãi rác hợp vệ sinh, xử lý theo quy định. Mặt khác, các chất thải rắn hộ gia đình được phân loại và được các đại lý phế liệu thu mua, cũng như các đội ve chai các giáo xứ trên địa bàn thu gom để góp quỹ hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn. Đối với các chất thải rắn sinh hoạt thông thường đã được xí nghiệp vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom, vận chuyển đến bãi rác thải tập trung của huyện tại xã Đắk Lao

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường $\geq 100\%$.

Địa phương là xã có ngành nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn so với ngành TMDV, TTCN nên chất thải rắn nguy hại chủ yếu là bao bì thuốc BVTV và trong sinh hoạt hàng ngày của các hộ dân. Hiện nay, địa phương đã bố trí một số mô hình được làm từ các cống bi có chân, đế, có nắp đậy đảm bảo an toàn và không rò rỉ ra bên ngoài tại các khu vực sản xuất nông nghiệp để chứa bao bì thuốc BVTV và giao cho Hội Nông dân xã sử dụng, quản lý và thu gom, tiêu hủy theo quy định. Với rác thải nguy hại từ sinh hoạt hộ gia đình (vỏ chai, đồ điện tử,...) được các đại lý thu mua phế liệu trên địa bàn thu gom.

Đối với các chất thải nguy hại trong lĩnh vực y tế hầu hết từ Trạm Y tế xã nên đã được thu gom và hỗ trợ xử lý theo mô hình cụm của Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil (kết quả chất thải y tế năm 2023 phát sinh và được xử lý: chất thải lây nhiễm: 120 kg/năm, nước thải y tế 113 m³/năm, nước thải sinh hoạt 475,5 m³/năm).

Riêng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất nông nghiệp (như vỏ bao bì thuốc BVTV,...) và chất thải nguy hại trong sinh hoạt của người

dân thì gặp khó khăn do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông chưa có nhà máy xử lý. Để đảm bảo đạt tiêu chí hàng năm; UBND xã Đức Minh đã tuyên truyền, hướng dẫn người dân tự quản lý các chất thải nguy hại phát sinh tại hộ dân.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

Trên 87% các chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp (vỏ trấu, rơm, rạ, vỏ cà phê, bã mía., các loại đậu và các loại rau,...) được các hộ dân, doanh nghiệp thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu phân bón, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường, trung bình khoảng 4.085 tấn/năm.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 75\%$.

100% hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (28/28 hộ), trong đó, có 03 trang trại chăn nuôi, còn lại là chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình. Các chuồng trại chăn nuôi được tách biệt với nơi ở của các hộ dân và định kỳ được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi;

Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi bảo vệ môi trường như: hố ủ phân nền chống thấm có nắp đậy, bể lắng lọc, hầm biogas...).

Trong năm 2023, các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn chưa có trường hợp vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

Xã đã có quy hoạch nghĩa trang theo đúng quy định, tổ chức thực hiện chôn cất tại nghĩa trang thực hiện theo quy hoạch, tại Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch nghĩa trang tỉnh Đắk Nông đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Xã có 09 nghĩa trang do các Giáo xứ, Giáo họ quản lý đáp ứng các quy định của pháp luật và phù hợp với quy hoạch được quyết, cụ thể: Nghĩa trang giáo xứ Xã Đoài tại giáo xứ Xã Đoài, thôn Đức Đoài có diện tích 11.033,8 m²; Nghĩa trang giáo xứ Vinh An tại giáo xứ Vinh An, thôn Xuân Thành có diện tích 37.215,7 m²; Nghĩa trang giáo họ Kẻ Động, thôn Kẻ Động có diện tích 14.235,8 m²; Nghĩa trang giáo họ Vinh Đức, thôn Vinh Đức có diện tích 13.254,8 m²; Nghĩa trang giáo họ Bình Thuận, thôn Bình Thuận có diện tích 16.510,2 m²; Nghĩa trang giáo họ Thanh Sơn, thôn Thanh Sơn có diện tích 3.633,9 m²; Nghĩa trang giáo họ Thanh Hà, thôn Thanh Hà có diện tích 9.297,2 m²; Nghĩa trang bon Jun Juh có diện tích 4.957 m²; Nghĩa trang Thai Nhi tại thôn Xuân Thành có diện tích 9.212,2 m².

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 5\%$.

Trên địa bàn xã và huyện chưa có cơ sở hỏa táng, do địa bàn xã nằm xa cơ sở hỏa táng nên người dân chưa có điều kiện thực hiện việc hỏa táng theo quy định; số ca tử vong chủ yếu được chôn lấp. Trong thời gian tới xã tiếp tục tuyên truyền để người dân thực hiện việc hỏa táng góp phần bảo vệ môi trường.

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/người$

Xã Đức Minh đã thực hiện trồng cây xanh công cộng tại các điểm như Trụ sở UBND xã, trụ sở các thôn, khuôn viên các trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trạm y tế, các trục đường giao thông liên thôn, liên xã, các khu dân cư tập trung đảm bảo mỹ quan, xanh - sạch - đẹp.

Hàng năm UBND xã đều lập kế hoạch trồng cây xanh phân tán theo Chương trình trồng một tỷ cây xanh. Kết quả qua 2 năm, ngoài kinh phí địa phương, huyện, tỉnh đã hỗ trợ cho xã trên 1.000 cây xanh các loại để trồng phân tán tại các điểm công cộng.

Trên địa bàn diện tích trồng cây xanh công cộng tại các điểm như khu hành chính UBND xã, trụ sở các thôn, khuôn viên các trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trạm y tế, các trục đường giao thông liên thôn, liên xã, các khu dân cư tập trung,... với diện tích khoảng 71.000m²; đạt trên 4m²/người, góp phần tạo cảnh quang môi trường.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$.

Hàng năm các chất thải nhựa, chai, lon... trên địa bàn trung bình khoảng 92,5 tấn/năm, được người dân phân loại và bán cho các đại lý thu mua phế liệu hoặc cho các đội ve chai các giáo xứ thu gom hoặc được công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom; khoảng 60% chất thải nhựa được vận chuyển đến đến nơi tái chế, xử lý theo quy định.

Hiện nay địa phương đã triển khai mô hình thu gom rác thải nhựa “Ngôi Nhà Xanh” để thu gom rác thải nhựa, các loại lon, chai,... để gây quỹ, hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn trên địa bàn, đồng thời tuyên truyền Nhân dân, các trường học cùng hưởng ứng thực hiện mô hình. Mô hình thu gom rác thải nhựa “Ngôi nhà xanh” được lắp đặt tại các thôn, bon trên địa bàn...

c. Đánh giá Tiêu chí số 17 về Môi trường: Đạt.

18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 35\%$.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 25\%$.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. Không.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 80\%$.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 35\%$.

Trên địa bàn xã có 36,16% hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung (1.393/3.852 hộ), trong đó bon Jun Juh 303 hộ từ công trình nước sạch của bon do Công ty TNHH MTV KTCTTL Đắk Nông - Chi nhánh huyện Đắk Mil quản lý, vận hành; 02 thôn Đức Đoài và Minh Đoài sử dụng từ hệ thống Nhà máy nước Đắk Mil của Công ty WASECO (200 hộ), thôn Mỹ Yên, Xuân Trang, Bình Thuận, Kẽ Đong sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của giáo xứ Vinh An (550 hộ) và thôn Xuân Hòa, Xuân Phong, Vinh Đức sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của giáo xứ Xuân Hòa (340 hộ).

Việc quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung đảm bảo chất lượng đáp ứng quy chuẩn của Bộ Y tế về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Đối với chất lượng nước của công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: Nguồn nước được đảm bảo hợp vệ sinh, có các bể chứa nước, xử lý nước đơn giản phù hợp với chất lượng nước.

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít:

UBND xã rà soát, đánh giá hiện trạng sử dụng nước của người dân, tuyên truyền, khuyến khích, vận động người dân tham gia đầu nối sử dụng nước, thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước, tích trữ, sử dụng nước an toàn, tiết kiệm.

Đối với chất lượng nước của công trình cấp nước quy mô hộ gia đình: Nguồn nước được đảm bảo hợp vệ sinh từ các giếng đào, giếng khoan, có các bể chứa nước, hộ gia đình có máy lọc RO đảm bảo chất lượng nước theo quy định. Hiện tại, cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm đạt 67,5 lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 25\%$.

Hiện nay 100% công trình (05 công trình, trong đó 02 công trình Jun Juh, 01 nhà máy nước Đắk Mil, 02 công trình giáo xứ) cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. Việc quản lý vận hành công trình cấp nước tập trung đảm bảo chất lượng đáp ứng quy chuẩn của Bộ Y tế về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm 100%.

Hàng năm, UBND xã thường xuyên tuyên truyền và kêu gọi các chủ hộ gia đình, chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm tham gia tập huấn về an toàn thực phẩm do cấp trên tổ chức; do đó 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (54/54 cơ sở) hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: Năm 2023, trên địa bàn xã không có sự cố về an toàn thực phẩm.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100%.

Trên địa bàn xã có 06 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy

sản được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đạt 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 80\%$.

Theo báo cáo số 704/BC-KSBT ngày 19/12/2023 của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Nông; Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 96,10%; Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là 91,5%.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường 100%.

Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt nên không phát sinh về môi trường. Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt được Công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến bãi rác tập trung của huyện tại xã Đắk Lao.

c. Đánh giá Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống: Đạt.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

*** Ban Chỉ huy quân sự xã:**

- Ban Chỉ huy quân sự xã 04 đồng chí đầy đủ các chức danh, đúng cơ cấu, thành phần Ban CHQS xã: Chỉ huy trưởng có trình độ Cao đẳng QS, UVBTV, thành viên UBND xã; Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm; Chính trị viên phó là Bí thư đoàn TNCS HCM xã; Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

- Trình độ chuyên môn của Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng: Có trình độ trung cấp trở lên.

- Trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy quân sự xã được bố trí nhà làm việc riêng.

- Hàng năm, cán bộ được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ.

*** Công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh và tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật toàn dân:**

- Ban Chỉ huy quân sự xã đã quán triệt nghiêm Luật Giáo dục QP&AN,

Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/5/2007 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục QP&AN trong tình hình mới.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các quyết định về kiện toàn hội đồng GDQPAN xã, ban hành quy chế làm việc hội đồng GDQPAN, hội đồng GDQPAN cũng đã xây dựng và ban hành kế hoạch phân công phụ trách địa bàn, giao chỉ tiêu cho các đơn vị tham gia bồi dưỡng. Kết quả đã tổ chức các lớp bồi dưỡng gồm 50/50 đồng chí đối tượng 4 cấp xã và 8/10 đồng chí đối tượng 4 cấp huyện. Thông qua bồi dưỡng kiến thức quốc phòng hầu hết cán bộ, Đảng viên nâng cao nhận thức trách nhiệm, biết vận dụng lý luận vào thực tiễn, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ Quân sự - Quốc phòng và thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao ở địa phương.

- Tham mưu cho UBND xã Lãnh đạo lực lượng Quân sự, Công an, Tư pháp, Văn hóa thông tin, Đài truyền thanh phối hợp với khối dân vận của Đảng ủy xã thực hiện tốt công tác dân vận, tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho toàn dân từ đó đã tạo được sự đồng thuận trong nhân dân, giám sát phản biện thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng - Quân sự địa phương ở cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương và hoạt động quân sự quốc phòng địa phương trên hệ thống loa truyền thanh của xã và bằng nhiều hình thức khác.

*** Công tác xây dựng, huấn luyện hoạt động của lực lượng dân quân:**

- Tham mưu xây dựng lực lượng dân quân đúng đủ theo thông tư 77/2020/TT-BQP, ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng. Nâng cao chất lượng chính trị, độ tin cậy trong lực lượng dân quân, giữ vững tỉ lệ Đảng viên trong lực lượng dân quân là 18,5%; Đoàn viên đạt 56,7%. Huấn luyện đạt 90% so với biên chế, kết quả 100% đạt yêu cầu trong đó có 65% khá, giỏi. Tuyển chọn công dân có đủ năng lực, phẩm chất chính trị để kết nạp vào lực lượng dân quân theo đúng quy trình.

- Tham mưu cho UBND xã kiện toàn Ban chỉ huy quân sự xã đúng đủ thành phần theo kết luận số 41 ngày 31/3/2009 của Ban bí thư (khóa X), Hướng dẫn số 35 của Ban tổ chức Trung ương về tổ chức hoạt động chỉ bộ quân sự xã, phường, thị trấn. Phân đấu kết nạp từ 1 đảng viên trong dân quân trong lực lượng DQ và 1 đảng viên trong lực lượng DBĐV. Nâng cao chất lượng và độ tin cậy của lực lượng Dân quân cơ động, dân quân bình chủng, bảo vệ trụ sở đảng ủy, HĐND, UBND xã sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ trong các tình huống chiến đấu, khắc phục thiên tai lũ lụt, cháy nổ, cứu sập.

- Thực hiện tốt công tác tuyển sinh đào tạo cao đẳng, đại học chuyên ngành quân sự cơ sở đạt chỉ tiêu, hiệu quả cao.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP, ngày 05/9/2019 về phối hợp giữa Công an và Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 về quy định hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ.

- Chỉ đạo Ban CHQS xã xây dựng lực lượng dân quân của xã vững mạnh

về chính trị tư tưởng, biên chế quân số đạt 100% chỉ tiêu trên giao, trong đó đảng viên là 13/159 đạt 8,1%; đoàn viên 89/159 đạt 56%. Chi bộ Quân sự duy trì tốt các hoạt động của cấp ủy, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo công tác Quân sự - Quốc phòng ở cơ sở, tổ chức có hiệu quả các hoạt động của chi đoàn Quân sự.

- Chỉ đạo xây dựng tổ chức biên chế lực lượng dân quân nòng cốt năm 2023. Chuẩn bị kế hoạch, tiến trình biểu, giáo án, mô hình học cụ, vật chất phục vụ cho quá trình huấn luyện năm 2023. Điều động lực lượng chiến sỹ mới, DQCD, tại chỗ và binh chủng tham gia huấn luyện đảm bảo.

- Chỉ đạo BCH QS xã tổ chức thực hiện tốt trình tự, thủ tục đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV. Công tác xét duyệt, kết nạp dân quân mới và trao quyết định công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia DQTV của xã theo đúng quy định của pháp luật.

*** Nhiệm vụ phòng thủ sẵn sàng chiến đấu:**

- Tổ chức lực lượng nắm, phân tích nhận định tình hình, quản lý chặt chẽ mọi diễn biến từ cơ sở, không để bị động bất ngờ, chủ động xây dựng các phương án phòng chống có hiệu quả chiến lược “*diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

- Khảo sát, bổ sung điều chỉnh kế hoạch chiến đấu phòng thủ của xã và các kế hoạch bảo đảm khác như: kế hoạch PKND, kế hoạch chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến, kế hoạch động viên, kế hoạch bảo đảm năm đầu chiến tranh.

- Lực lượng vũ trang của xã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các ngày lễ, tết và các sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương.

- Tổ chức cho lực lượng dân quân, dự bị động viên của xã tập huấn, huấn luyện theo kế hoạch, sát với thực tế đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu trong các tình huống.

*** Xây dựng và quản lý lực lượng dự bị động viên:**

- Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật theo đúng quy định của luật DBĐV. Sẵn sàng huy động khi có lệnh

Đến nay toàn xã đã đăng ký, quản lý được 100% số quân nhân DBĐV và phương tiện kỹ thuật của xã thuộc diện phải đăng ký trong đó: Sĩ quan là 04 đồng chí; HSQ – BS hạng 1 là 240 đồng chí, hạng 2 là 860 đồng chí; PTKT là 17 xe các loại; nữ chuyên môn kỹ thuật là 21 đồng chí. Đã tổ chức sắp xếp đủ số lượng, bảo đảm chất lượng theo chỉ tiêu của cấp trên. Công tác đăng ký, quản lý, đảng viên trong lực lượng DBĐV là: 4 đảng viên.

*** Thực hiện công tác tuyển quân, tuyển sinh:**

- Đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, hoàn thành chỉ tiêu về tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng, đúng thủ tục, quy trình tuyển quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

- Chỉ đạo cho Ban CHQS xã tham mưu cho UBND xã phân công các thành viên Hội đồng NVQS xã về phối hợp các thôn, bon tổ chức quản lý, vận động các thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2023. Tổ chức gặp mặt tặng quà gia đình và thanh niên nhập ngũ năm 2023, cấp phát quân tư trang và kiểm tra sức khỏe cho các thanh niên nhập ngũ, phối hợp cùng các ban ngành, đoàn thể làm tốt công tác hậu

phương Quân đội, công tác tư tưởng cho các thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2023.

- Tổ chức bàn giao 22/22 thanh niên nhập ngũ năm 2023 cho huyện, đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Thực hiện đăng ký thanh niên độ tuổi 17 trong năm 2023 là 127/135 thanh niên, vắng 8 thanh niên có lý do, thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ là 986 thanh niên. Thực hiện quy trình công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2023 - 2024 đúng theo các bước đề ra.

- Hàng năm đều tổ chức đón quân nhân hoàn thành nhiệm vụ trong quân đội trở về địa phương, phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể tư vấn định hướng và tạo điều kiện cho các quân nhân sớm ổn định cuộc sống; thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự theo hướng dẫn của cấp trên.

*** Thực hiện chế độ, chính sách; giải quyết khiếu nại, tố cáo:**

- Thực hiện đúng quy định về công tác chi trả chế độ cho lực lượng Dân quân của xã khi tham gia huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ và trực SSCĐ.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách cho các đối tượng theo quy định của nhà nước, kịp thời động viên, huy động các nguồn lực cho nhiệm vụ Quốc phòng – Quân sự địa phương, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

- Tiếp tục thực hiện đề án 1237 về tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ, thực hiện các chính sách cho các đối tượng theo Quyết định 49/QĐ-TTg của Chính phủ đối với dân công hỏa tuyến, Quyết định 62, 142 cho các đối tượng.

Tham mưu cho UBND đảm bảo chế độ cho lực lượng dân quân, huấn luyện, trực sẵn sàng chiến đấu chế độ đảm bảo theo luật dân quân.

Ban chỉ huy quân sự xã phối hợp với Hội cựu chiến binh, kế toán xã, tham mưu cho Đảng ủy, UBND, lập danh sách đối tượng gia đình thương bệnh binh, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng hàng năm nhân các ngày lễ, tết.

Tham mưu giải quyết chế độ sau chiến tranh theo chế độ 142, quyết định 62, quyết định 49 và 1237.

*** Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng:**

- Chỉ đạo Ban CHQS xã phục vụ tốt công tác kiểm tra nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ, xây dựng, quản lý lực lượng DBĐV, DQ & GDQPAN của cấp trên.

- BCH QS xã thường xuyên quán triệt cho lực lượng thuộc quyền tham gia đấu tranh chống các thế lực thù địch trên các trang mạng, không gian mạng.

- BCH QS xã thường xuyên tham mưu cho đảng ủy, HĐND, UBND thực hiện khá tốt công tác thi đua, khen thưởng trong lực lượng dân quân xã. Kịp thời động viên và khen thưởng cho các đồng chí hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

- UBND xã thường xuyên chỉ đạo Ban CHQS, Công an duy trì thực hiện nghiêm túc theo chế độ quy định như: Giao ban, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm với các cơ quan chức năng cấp trên; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Công an, Quân sự theo Nghị định số 03, 02 của Chính phủ; Hàng năm, BCH QS xã và Công an xã đã kịp thời tham mưu tổ chức công tác sơ kết, tổng kết nhiệm vụ Quốc phòng - an ninh và xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện. Hàng năm UBND xã đều tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện nhiệm vụ.

Ban Chỉ huy quân sự xã đã tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị đảm bảo theo quy định; Huấn luyện dân quân hàng năm 100% đạt yêu cầu, 75% trở lên khá, giỏi. Tuyển quân năm 2023 đạt 100% chỉ tiêu được giao (22/22). **Đạt**

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn ổn định và giữ vững, không có tình trạng khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp; Trên địa bàn xã không xảy ra các vụ trọng án theo quy định của Bộ luật hình sự 2015; Các loại tội phạm tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế giảm liên tục so với các năm trước. Các tổ ANTT tại các thôn, bon được thành lập và kiện toàn hàng năm, đảm bảo ANTT trên toàn xã.

Xã được công nhận đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy theo quy định; Tăng cường công tác PCCC gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trong năm đã ra mắt và nhân rộng 08 mô hình “*Tổ liên gia an toàn về PCCC*” trên địa bàn xã. Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, vận động, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ...

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả như 06 mô hình: Mô hình “*Hòm thư tố giác tội phạm*”, đường dây nóng, Tổ ANTT, mô hình “*ánh sáng An ninh*” (thôn Mỹ Yên và Xuân Trang); mô hình Camera an ninh; mô hình “*phụ nữ quản lý giáo dục trẻ em không vi phạm pháp luật*” thôn Thanh Hà, Thanh Sơn và mô hình “*Tổ bảo vệ cà phê*” (mô hình được Bộ Công an công nhận là mô hình cấp Bộ). Công an xã đã tham mưu triển khai Thông tư 124 (thay thế Thông tư 23) và Quy định 510 trên địa bàn xã năm 2023. Kết quả: Đã hoàn thành hồ sơ xét Thông tư 124 và Quyết định 510 đối với 16 thôn, bon, 01 cơ quan, 01 trường học và 01 doanh nghiệp thuộc thẩm quyền, qua đó 100% thôn, bon, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn theo quy định. Đối với Trụ sở cơ quan UBND xã và xã Đức Minh đã hoàn tất hồ sơ đề nghị và được UBND huyện ban hành Quyết định phân loại xuất sắc.

Về đơn vị Công an xã từ năm 2020 đến nay Công an xã liên tục đạt danh hiệu “*Đơn vị Quyết thắng*”, Chi bộ Công an xã đạt danh hiệu “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”. Năm 2023, Công an xã được Bộ Công an khen thưởng đột xuất vì có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm (Quyết định số 2117/QĐ-BCA-V01, ngày 18/4/2023), Công an tỉnh tặng Giấy khen (Quyết định số 342/QĐ-CAT-PX03), Bộ Công an tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua vì an ninh Tổ quốc giai đoạn 2020 - 2021 (Quyết định số 5205/QĐ-BCA, ngày 12/7/2022). Năm 2023 xã Đức Minh được công nhận là xã điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (theo Quyết định số 3010/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Đắc Mil).

c. Đánh giá Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh: Đạt.

6. Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Xã Đức Minh được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 tại Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc công nhận xã Đức Minh, huyện Đắk Mil đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 theo Bộ tiêu chí nông thôn mới được ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Người dân đã hưởng ứng tích cực chương trình bằng việc hiến đất, tham gia đóng góp vật chất, ngày công vào nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn; chỉnh trang, tu sửa đường làng ngõ xóm, khu dân cư và các công trình công cộng, đã trở thành các phong trào rộng khắp ở các thôn, khu dân cư; người dân đã hiến đất và tự nguyện dỡ bỏ hàng rào, công trình phụ, cây cối, hoa màu cho mở rộng đường giao thông nông thôn. Vì vậy đã tạo chuyển biến mạnh mẽ về phát triển giao thông nội đồng, giao thông nông thôn và ngõ xóm gắn với phong trào “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp” của Mặt trận Tổ quốc xã phát động.

Kết quả từ khi thực hiện chương trình từ 2021 - 2023, trên địa bàn xã đã có 22 công trình đường bê tông nội thôn, ngõ xóm và 01 nhà đa năng trường THCS Chu Văn An được đầu tư xây dựng với tổng số tiền: 6.264 triệu đồng, trong đó: ngân sách Nhà nước hỗ trợ trực tiếp là 4.037 triệu đồng, phân huy động từ Nhân dân đóng góp và nguồn hỗ trợ khác là: 2.227 triệu đồng; riêng xây dựng đường bê tông nội thôn, ngõ xóm là 4.432 triệu đồng, trong đó Nhà nước hỗ trợ 3.037 triệu đồng, Nhân dân đóng góp 1.395 triệu đồng.

Nhờ thực hiện các giải pháp đồng bộ từ khi lập kế hoạch đầu tư đến khi có quyết định cấp vốn và triển khai thực hiện theo đúng quy trình đầu tư xây dựng, việc tuyên truyền, vận động hiệu quả nên đến nay địa phương không xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng nông thôn mới.

7. Về Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

7.1. Quan điểm

Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng NTM đã đạt được, nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng nông thôn, đẩy mạnh phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, chú trọng, tập trung các tiêu chí như môi trường và an toàn thực phẩm, văn hóa, hộ nghèo, an ninh trật tự, tổ chức sản xuất. Quy hoạch, đầu tư cơ sở hạ tầng, môi trường và các dịch vụ xã hội phù hợp định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo hướng đô thị vào năm 2025, giảm dân cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng dân tiểu thủ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

7.2. Mục tiêu

- Phân đầu đến hết năm 2023 xã Đức Minh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Phân đầu đến năm 2025, xã Đức Minh đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và trở thành phường.

7.3. Nội dung, giải pháp duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí

- *Công tác tuyên truyền, vận động*: Thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông. Bên cạnh đó, cán bộ, công chức cũng thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với người dân để thực hiện tuyên truyền, vận

động để người dân nhận thức đầy đủ về xây dựng nông thôn mới.

- *Nâng cao chất lượng bộ máy quản lý, thực hiện Chương trình:* Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình; thực hiện đầy đủ, thường xuyên theo quy chế hoạt động của Ban quản lý. Ban quản lý tập trung quản lý quyết liệt hơn, có kế hoạch cụ thể để thực hiện hiệu quả các tiêu chí.

- *Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân:* Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân phát triển sản xuất, tận dụng tối đa diện tích đất hiện có, xen canh các loại cây trồng ngắn ngày kết hợp với phát triển chăn nuôi, phát triển thương nghiệp nâng cao thu nhập; phấn đấu năm 2024 thu nhập bình quân đầu người trên 60 triệu đồng/năm, năm 2025 trên 64 triệu đồng/năm.

- *Giảm nghèo bền vững:* Tăng cường hoạt động tín dụng ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội cho người nghèo vay ưu đãi để sản xuất theo quy mô gia đình. Ngoài việc thực hiện các Chính sách của Nhà nước về công tác xóa đói giảm nghèo, khuyến khích người dân phát triển sản xuất gắn với các ngành nghề nhằm nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã; triển khai thực hiện tốt, hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh khuyến nông và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề. Trước hết đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn cho người nghèo về kiến thức sản xuất kinh doanh, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia học nghề. Phối hợp tư vấn về dạy nghề, việc làm, phối hợp liên kết đào tạo nghề với sử dụng lao động nông thôn qua đào tạo tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại và cơ sở sản xuất, kinh doanh. Duy trì tỷ lệ người trong độ tuổi lao động theo quy định. Tăng cường rà soát số lao động tại địa phương có nhu cầu học nghề và nhu cầu việc làm, xây dựng phương án hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp với đặc thù lao động địa phương;

- *Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu.*

+ Tiếp tục xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải trước mắt cũng như trong tương lai của người dân; bố trí vốn để duy tu, bảo dưỡng công trình giao thông, giữ vững tiêu chí.

+ Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân đóng góp sức người, sức của, tự nguyện hiến đất làm đường, xây dựng, cải tạo đường giao thông nông thôn, đảm bảo nhu cầu đi lại cho người dân trên cơ sở Nhân dân cùng làm, nhà nước hỗ trợ.

+ Phối hợp, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên bảo đảm an toàn trong quá trình vận hành của các công trình thủy lợi; đề xuất cấp trên khảo sát bố trí kinh phí đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ nhu cầu sản xuất và dân sinh trên địa bàn xã. Phát huy và mở rộng các ao hồ của người dân là nên tảng trong việc tưới tiêu chống hạn trên địa bàn xã.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã; bảo dưỡng thường xuyên về cơ sở hạ tầng, hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai để

đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ về rủi ro thiên tai.

- *Về lĩnh vực giáo dục:* Duy trì và phát triển các thành quả đã đạt được về phổ cập trung học cơ sở, duy trì tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*).

+ Thực hiện công tác chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đảm bảo 100% giáo viên và cán bộ quản lý được chuẩn hóa.

+ Tuyên truyền, vận động Nhân dân nhận thức đúng vị trí của giáo dục trong chiến lược phát triển con người, đẩy mạnh thực hiện chương trình xã hội hóa giáo dục, hình thành các quỹ khuyến học nhằm động viên, khen thưởng các học sinh có thành tích học tập khá, giỏi.

+ Tổ chức tuyên truyền cho phụ huynh học sinh trong việc đóng góp xây dựng cơ sở vật chất trường học, thực hiện huy động xã hội hóa hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- *Về lĩnh vực văn hóa:*

+ Đẩy mạnh cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” kết hợp với các ban ngành, đoàn thể để cuộc vận động có nhiều hình thức phong phú, nội dung thiết thực.

+ Thực hiện tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nếp sống mới, gia đình văn hóa, xóm văn hóa, thôn văn hóa. Thông qua các đợt vận động, tuyên truyền các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước để nâng cao ý thức của nhân dân, từ đó giúp người dân chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đã đề ra, phát huy tinh thần làm chủ của người dân, xây dựng đời sống văn hóa.

+ Phát động các phong trào thi đua văn hoá, văn nghệ, phong trào luyện tập thể dục thể thao, rèn luyện thân thể, thường xuyên tổ chức các đợt thi đấu thể thao giao lưu giữa các khu vực dân cư; nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất trong các trường học.

+ Xây dựng phát triển văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; giữ gìn, phát huy tốt các giá trị văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng cuộc vận động “*toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, đánh giá chặt chẽ, đúng thực chất danh hiệu gia đình văn hóa.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, tu sửa các công trình văn hóa; đảm bảo các công trình văn hóa được hoạt động thường xuyên; nâng cao tinh thần tự giác bảo vệ tài sản công cộng trong toàn dân. Thực hiện tuyên truyền, vận động nhằm huy động từ nguồn đóng góp của Nhân dân để thực hiện việc xây dựng các công trình nhà văn hóa thôn. Trước mắt, đề nghị phân bổ kinh phí xây dựng 02 nhà văn hóa: Nhà văn hóa thôn Đức Đoài (*theo Quyết định 1559/QĐ-UBND ngày 25/12/2022 của UBND huyện Đắk Mil*), nhà văn hóa thôn Thanh Hà, tháo gỡ vướng mắc để xây dựng nhà văn hóa liên thôn Bình Thuận - Kẽ Động.

- *Về chỉnh trang nhà ở dân cư:*

+ Tổ chức quản lý các hoạt động xây dựng trên địa bàn nhằm đảm bảo xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại; Tuyên truyền, vận động để Nhân dân xây dựng các công trình phụ, nhà vệ sinh, hố đổ rác từng hộ.

+ Hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số, các hộ thuộc diện chính sách và các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở theo nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân tự làm, cộng đồng tại chỗ giúp đỡ để các hộ cải thiện chỗ ở.

- *Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân:*

+ Mở rộng phạm vi bao phủ của BHYT về tỷ lệ dân số tham gia BHYT và phạm vi dịch vụ y tế được thụ hưởng, đảm bảo quyền lợi của người tham gia BHYT, tiến tới BHYT toàn dân, góp phần tạo nguồn tài chính ổn định cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân theo hướng công bằng, hiệu quả, chất lượng và phát triển bền vững. Huy động các nguồn vốn Nhà nước và các thành phần kinh tế đầu tư cho sự nghiệp phát triển y tế.

+ Thực hiện tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHYT để người dân hiểu về quyền lợi khi tham gia BHYT, mức đóng và trách nhiệm đóng BHYT, chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi tham gia BHYT, trách nhiệm của các ban ngành, đoàn thể, Ban tự quản các thôn, bon hướng dẫn vận động tham gia BHYT duy trì ở mức trên 96%.

+ Triển khai thực hiện và hoàn thành Chỉ tiêu 14.3 về tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt 40% ngay khi cơ sở hạ tầng y tế được đầu tư để đảm bảo chỉ tiêu.

- *Công tác bảo vệ Môi trường và nâng cao chất lượng môi trường sống:*

+ Thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân cũng như các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã giữ gìn vệ sinh chung, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

+ Phối hợp với công ty cấp thoát nước tiến hành xây dựng, duy trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch tập trung nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân; tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng nước giếng khoan, giếng đào, sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

+ Tiến hành rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa đạt tiêu chuẩn về môi trường để quán triệt các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- *Về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội:*

+ Thực hiện xây dựng bộ máy điều hành quản lý Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, xuất phát từ lợi ích của nhân dân.

+ Thực hiện công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, tăng cường công tác quản lý đối với mọi hoạt động của địa phương.

+ Nâng cao trình độ, lề lối làm việc, tinh thần thái độ phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức xã đáp ứng yêu cầu giải quyết công việc, thủ tục hành chính.

+ Thực hiện Pháp lệnh dân chủ ở cơ sở, tăng cường sự giám sát của nhân dân trong hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao vai trò của ban tự quản thôn, thường xuyên gần gũi Nhân dân để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân, làm cầu nối để cơ quan và nhân dân thực sự gắn bó, đoàn kết, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân.

+ Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân, làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết nhanh, dứt điểm các đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân, hạn chế đến mức thấp nhất khiếu nại, khiếu kiện

vượt cấp, tập trung đông người làm mất trật tự xã hội. Đẩy mạnh hoạt động hòa giải ở cơ sở, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ phận Một cửa.

+ Giữ vững ổn định chính trị, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, đề cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị liên quan, các đơn vị kinh tế đóng chân trên địa bàn trong việc kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn kịp thời mọi tình huống xấu có thể xảy ra, đặc biệt trong các ngày lễ, tết. Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả công tác của lực lượng công an xã, đảm bảo về trang thiết bị và cơ động nghiệp vụ.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Hồ sơ nông thôn mới nâng cao của xã Phước Quang đã lập đầy đủ các thủ tục hồ sơ theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Đức Minh

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đức Minh đã được các ngành của UBND huyện Đắk Mil thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

(Kèm theo biểu tổng hợp kết quả thẩm tra 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Đức Minh)

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với xã Đức Minh

Trên địa bàn xã Đức Minh không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị Văn phòng Điều phối NTM tỉnh thẩm định, đánh giá mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao xã Đức Minh và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định công nhận xã Đức Minh đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với xã Đức Minh, huyện Đắk Mil./.

Nơi nhận:

- VP ĐP NTM tỉnh Đắk Nông;
- TT Huyện uỷ;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- UBMTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các thành viên BCD các CT MTQG huyện;
- VP ĐP XD NTM huyện;
- UBND xã Đức Minh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Bá Tịnh

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN
CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2023**

Xã Đức Minh, Huyện Đắk Mil, Tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /02/2024 của UBND huyện Đắk Mil)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Xã tự đánh giá		Kết quả thẩm tra huyện
				Kết quả thực hiện	Đạt/ không đạt	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Địa phương thuộc quy hoạch đô thị của huyện Đắk Mil	Đạt	Đạt
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Địa phương đã thành lập quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình KTXH của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Quy hoạch chi tiết Khu Trung tâm TMDV và dân cư xã được quy hoạch theo Quyết định 1559/QĐ-UBND ngày 25/12/2022 của UBND huyện Đắk Mil.	Đạt	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định <i>(100% nhựa hoá hoặc bê tông hoá, có hệ thống an toàn giao thông phù hợp. '- Có đèn chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực dân cư đông đúc)</i>		100% đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và được bảo trì hàng năm (27,84 km/ 27,84 km, đạt 100%); có đèn chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực dân cư đông đúc.	Đạt	Đạt
		2.2. 100% đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm; có các		Đường trục thôn, bon, buôn, bản và đường liên thôn, bon, buôn, bản ít nhất được cứng hóa đạt	Đạt	Đạt

		hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (100% được cứng hoá và bảo trì hàng năm. '- Có hệ thống an toàn giao thông phù hợp. '- Có đèn chiếu sáng và trồng cây xanh tại các khu vực dân cư đông đúc)		chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT là 17,81 km/17,81 km, đạt 100%.		
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp $\geq 85\%$		Đường ngõ, xóm 19,54km, trong đó bê tông hóa 18,12/19,54 đường bê tông đạt 92,73%.	Đạt	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa ($\geq 80\%$ cứng hoá (bê tông xi măng, đá dăm láng nhựa, đá dăm, cấp phối đá dăm, đá thải từ mỏ đá, cấp phối tự nhiên)		Đường trục chính nội đồng trên địa bàn xã đều đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm với chiều dài 8,1 km trong đó cứng hóa 6,6km (1,4km đường bê tông và 5,2km đất cấp phối), đạt 81,48%.	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	$\geq 90\%$	Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động từ các công trình thủy lợi đạt 92% (2.304,4ha/2.505ha).	Đạt	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Địa phương đã thành lập Tổ chức thủy lợi cơ sở (QĐ 24/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã)	Đạt	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Đạt	100% diện tích cây trồng chủ lực (2.290,1ha cà phê) được tưới tiêu được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	Đạt	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm		100% công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Mil quản lý và bảo trì hàng năm.	Đạt	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	UBND xã giao bộ phận địa chính - nông nghiệp - môi trường phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Mil kiểm tra về xả nước thải, ô nhiễm môi trường.	Đạt	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương	Khá	Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã phân công cụ thể trách nhiệm	Đạt	Đạt

		châm 4 tại chỗ		của từng bộ phận và các thành viên; lập phương án và Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm.		
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	100% hộ đăng ký trực tiếp và sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	Đạt	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Có 4/4 trường đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 trở lên chiếm 75% (trường tiểu học Lý Tự Trọng mức độ 2, trường Mẫu giáo Đức Minh, trường tiểu học Bùi Thị Xuân và THCS Chu Văn An mức độ 1).	Đạt	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Kết quả năm học 2022, địa phương đã hoàn thành phổ cập mẫu giáo 5 tuổi; Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non của xã là 346/346 trẻ, đạt 100%.	Đạt	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	- Báo cáo kết quả Phổ cập giáo dục trên địa bàn năm 2022: phổ cập tiểu học ở mức độ 03, phổ cập THCS mức độ 02.	Đạt	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Tỷ lệ huy động số người trong độ tuổi từ 15-60 tuổi biết chữ hàng năm của xã đạt 95%. Đạt chuẩn mức độ 2.	Đạt	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Trung tâm học tập cộng đồng xã hàng năm được đánh giá, xếp loại: Tốt.	Đạt	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Các trường học từ cấp mầm non đến THCS trên địa bàn đều có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	Đạt	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng;	Đạt	Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động	Đạt	Đạt

		các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên		văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên		
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Không có di tích văn hóa	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bon đạt tiêu chuẩn văn hóa theo QĐ và đạt chuẩn NTM	100%	16/16 thôn văn hoá	Đạt	Đạt
7	CS hạ tầng TM nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Chợ trung tâm xã Đức Minh, trung tâm thương mại bảo đảm an toàn thực phẩm, yêu cầu chung theo tiêu chuẩn.	Đạt	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Xã đã có 01 điểm phục vụ bưu chính tại thôn Minh Đoài phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.	Đạt	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	≥80%	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt ≥80%.	Đạt	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa với 16 cụm 41 loa đến các thôn, bon trên địa bàn; có 02 màn hình Led phục vụ thông tin tuyên truyền	Đạt	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống KTXH và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Xã đã ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành nhà nước.	Đạt	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng)	GD 2021-2023, tỉ lệ các điểm công cộng có wifi miễn phí tối thiểu 50%	Đã lắp đặt wifi tại các điểm công cộng.	Đạt	Đạt
			GD 2024-2025, tỉ lệ	Đã lắp đặt wifi tại các điểm công cộng.	Đạt	Đạt

		đồng...)	các điểm công cộng có wifi miễn phí 100%			
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 95\%$		Trên 95% hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng (3.660 hộ/3.852 hộ).	Đạt	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021 ≥ 48	Thu nhập đầu người năm 2021: 52 triệu đồng.	Đạt	Đạt
			Năm 2022 ≥ 52	Thu nhập đầu người năm 2022: 55 triệu đồng.	Đạt	Đạt
			Năm 2023 ≥ 56	Điều tra thu nhập năm 2023: 56 triệu đồng.	Đạt	Đạt
			Năm 2024 ≥ 60	Kế hoạch năm 2024: 60 triệu đồng		
			Năm 2025 ≥ 64	Kế hoạch năm 2025: 64 triệu đồng		
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025	Đạt	Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2023 đạt 4,82%	Đạt	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80% (8.068 người/10.086 người).	Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 25\%$	Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trở lên đạt 26% (2.622 người/10.086 người).	Đạt	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Đạt	Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực cao, nông nghiệp chiếm 53% với 5.345/10.086 lao động; TMDV chiếm 39,3% với 3.963/10.086 lao động; TTCN chiếm 7,7% với 776/10.086 lao động).	Đạt	Đạt
		13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	Xã có 02 HTX (HTX Nông Lâm Nghiệp Đắk Mil, HTX Nguyễn Công).	Đạt	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận	Đạt	Địa phương có 06 sản phẩm OCOP (02SP 4 sao và 04 SP 3 sao)	Đạt	Đạt

13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm	≥ 1	Xã có 02 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm.	Đạt	Đạt
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	Đã triển khai thực hiện chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc sản phẩm chủ lực của xã qua các HTX (HTX Nông Lâm Nghiệp Đắc Mil, HTX Nguyễn Công).	Đạt	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	Các sản phẩm chủ lực được bán qua các kênh thương mại điện tử $\geq 10\%$ (như HTX Nông Lâm Nghiệp Đắc Mil đã triển khai bán hàng qua kênh thương mại điện tử Lazada...).	Đạt	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt	Đang xây dựng vùng nguyên liệu tập trung tại khu vực Thủy lợi (bon Jun Juh) với khoảng 300ha, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2023.	Đạt	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua Internet, mạng xã hội	Đạt	Các điểm du lịch của địa phương được quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua các trang mạng xã hội.	Đạt	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)	Đạt	Kinh tế xã nhà được phát triển theo hướng vừa phát triển kinh tế, vừa bảo vệ, gìn giữ môi trường, vừa bảo tồn giá trị văn hoá, bản sắc của địa phương.	Đạt	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 95\%$	Tỷ lệ người tham gia BHYT trong toàn xã đạt 97,88%.	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt 99,6% dân số toàn xã .	Đạt	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 40\%$	Đang triển khai thực hiện giai đoạn 2023-2030	Đạt	Đạt

		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 70\%$	Đang triển khai thực hiện giai đoạn 2023-2030	Đạt	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Xã đã ứng dụng CNTT trong công tác giải quyết thủ tục hành chính như phần mềm chữ ký số, phần mềm quản lý văn bản, thực hiện niêm yết TTHC bằng mã QR.	Đạt	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Xã đã áp dụng triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trong việc tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC	Đạt	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Các thủ tục hành chính ở xã luôn được giải quyết đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.	Đạt	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 1	Địa phương đã thành lập tổ hoà giải cơ sở ở các thôn, bon; các tổ hoà giải phối hợp hoạt động hiệu quả trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở; hằng năm các tổ hoà giải được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Đạt	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công	$\geq 90\%$	Các vụ việc thuộc thẩm quyền hiện nay giải quyết (11 vụ việc), địa phương đã hoà giải thành 10 vụ việc, không thành 01 vụ việc, đạt tỉ lệ 90,9%.	Đạt	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	100% người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý của cán bộ, công chức và người có thẩm quyền khi có yêu cầu.	Đạt	Đạt

17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	100% cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường đảm bảo (54/54 cơ sở), được kiểm tra hàng năm.	Đạt	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (114/114 hộ) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, đăng ký bảo vệ môi trường tại cấp xã và Phòng TN&MT huyện và được kiểm tra hàng năm.	Đạt	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	85% chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được Công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến bãi rác hợp vệ sinh, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	$\geq 30\%$	50% hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.	Đạt	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 50\%$	60% hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, được công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến bãi rác hợp vệ sinh, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100% chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.	Đạt	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái	$\geq 80\%$	Trên 80% các chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp (vỏ trấu, rơm, rạ, vỏ cà phê, bã mía...)	Đạt	Đạt

		sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường		được các hộ dân, doanh nghiệp thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu phân bón, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.		
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 75\%$	100% hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (28/28 hộ), trong đó, có 03 trang trại chăn nuôi lớn, còn lại là chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình.	Đạt	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Các nghĩa trang trên địa bàn đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	Chưa có hình thức hỏa táng.	Đạt	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Khu hành chính UBND xã đang triển khai xây dựng tại địa điểm mới, trong đó có quy hoạch đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	Đạt	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	60% chất thải nhựa hộ gia đình trên địa bàn được phân loại và được công ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom để tái chế, tái sử dụng, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung				
		- Xã không thuộc khu vực III	$\geq 35\%$	36% hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Đạt	Đạt
		- Xã khu vực III	$\geq 25\%$			
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm				

		- Xã không thuộc khu vực III	≥ 60 lít	Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm đạt 67,5 lít.	Đạt	Đạt
		- Xã khu vực III	≥ 40 lít			
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững				
		- Xã không thuộc khu vực III	$\geq 25\%$	100% công trình (05 công trình, trong đó 02 công trình Jun Juh, 01 nhà máy nước Đắc Mil, 02 công trình giáo xứ) cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.	Đạt	Đạt
		- Xã khu vực III	$\geq 20\%$			
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tập huấn về an toàn thực phẩm hàng năm (54/54 cơ sở).	Đạt	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Hàng năm, không có sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.	Đạt	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ đúng các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm. UBND xã đã chỉ đạo Ban tự quản các thôn rà soát các hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ tuân thủ đúng các quy định về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.	Đạt	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 80\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 96,02%; Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch là 84,21%.	Đạt	Đạt

		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Chưa có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Tuy nhiên, chất thải rắn được ông ty vệ sinh môi trường Đức Lập thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đến bãi rác hợp vệ sinh, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị đảm bảo theo quy định; Năm 2023 điều động dân quân huấn luyện theo kế hoạch đạt 100% chỉ tiêu được giao; tuyển quân 22/22 quân nhân đạt 100%.	Đạt	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn ổn định và giữ vững, không có tình trạng khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp; Trên địa bàn xã không xảy ra các vụ trọng án theo quy định của Bộ luật hình sự	Đạt	Đạt
		Tổng cộng		19/19	75/75	